

Bản án số: 73/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 08/3/2024

V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa:* Ông **NGUYỄN TRUNG TÍNH**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **TRẦN VĂN NHU**

2. Ông **HUỖNH VĂN DŨNG**

- *Thư ký phiên Tòa:* Ông **HỨA QUỐC THÁI** – Thư ký tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang:* Không tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 03 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2024 về việc tranh chấp “xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2024/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **NGUYỄN TIỂU T**, sinh năm 1995

Địa chỉ: ấp 2, xã TH, huyện CB, tỉnh TG.

* *Bi đơn:* Anh **PHAN QUỐC H**, sinh năm 1988

Địa chỉ: ấp 2, xã TH, huyện CB, tỉnh TG.

(Chị T và anh H vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và các văn bản ý kiến trình bày tại Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, phía nguyên đơn chị Nguyễn Tiểu T trình bày:

Chị và anh H xác lập quan hệ vợ chồng năm 2019, có đăng ký kết hôn, sau khi cưới về sống hạnh phúc được đến tháng 01 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị là do vợ chồng bất đồng nhiều quan điểm trong cuộc sống, không hợp tính tình, không có tiếng nói chung, thường xuyên cự cãi nhau, vợ chồng hàn gắn đoàn

tụ nhiều lần nhưng không thành nên đã ly thân nhau từ tháng 01 năm 2023 cho đến nay. Nay chị xin ly hôn anh H.

+ Về con chung : Anh chị có 01 con chung tên Phan Hoàng K, sinh ngày 12/10/2020, khi ly hôn chị đồng ý để anh H nuôi con, chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cùng anh H mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung trưởng thành tròn 18 tuổi.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

* Phía bị đơn anh Phan Quốc H trình bày: Anh thống nhất lời trình bày và toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị T.

Về quan hệ hôn nhân: Anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh yêu cầu tiếp tục nuôi cháu Phan Hoàng K, sinh ngày 12/10/2020. Anh thống nhất sự tự nguyện cấp dưỡng của chị T. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

Anh Phan Quốc H và chị Nguyễn Tiểu T có đơn xin giải quyết xét xử vắng mặt, căn cứ điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh, chị là phù hợp theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh H xác lập quan hệ vợ chồng năm 2019, có đăng ký kết hôn, sau khi cưới về sống hạnh phúc được đến tháng 01 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị là do vợ chồng bất đồng nhiều quan điểm trong cuộc sống, không hợp tính tình, không có tiếng nói chung, thường xuyên cự cãi nhau, vợ chồng hàn gắn đoàn tụ nhiều lần nhưng không thành nên đã ly thân nhau từ tháng 01 năm 2023 cho đến nay. Nay chị xin ly hôn anh H. Phía anh H cũng có văn bản ý kiến thống nhất ly hôn theo yêu cầu của chị T. Do anh, chị không thể đến Tòa tham gia tố tụng nên yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt anh, chị. Nhận thấy tình cảm của anh, chị đã thật sự tan vỡ, hai bên đã phát sinh mâu thuẫn kéo dài và ly thân từ tháng 01 năm 2023 cho đến nay nhưng không hàn gắn đoàn tụ lại được. Phía chị T và anh H đều có ý kiến thống nhất ly hôn, tuy nhiên do cả hai đều đi làm xa nên

có văn bản ý kiến đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh, chị. Do đó xét yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị, cho chị T được ly hôn anh H là phù hợp theo điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Phan Hoàng K, sinh ngày 12/10/2020. Khi ly hôn chị T đồng ý để anh H nuôi con chung do con chung đã sống với anh H ổn định từ khi anh, chị ly thân. Xét thấy từ khi ly thân con chung do anh H nuôi dưỡng đã ổn định và anh chăm sóc con chung phát triển tốt. Phía chị T và anh H đều có văn bản ý kiến thống nhất để anh H nuôi con. Do vậy, hội đồng xét xử xét thấy để tránh xáo trộn về mặt tâm sinh lý của con chung và ổn định cuộc sống của cháu nên tiếp tục giao con chung cho anh H nuôi dưỡng là phù hợp theo điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T có ý kiến tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi con chung trưởng thành (tròn 18 tuổi), nhận thấy đây là sự tự nguyện của chị T, phù hợp theo quy định pháp luật nên hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Không có.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 357 và điều 468 của Bộ luật dân sự; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Tiểu T.

Cho chị Nguyễn Tiểu T được ly hôn anh Phan Quốc H.

2/ Về con chung:

Tiếp tục giao con chung cháu Phan Hoàng K, sinh ngày 12/10/2020 cho anh H nuôi dưỡng.

Chị Nguyễn Tiểu T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Phan Quốc H mỗi tháng là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho đến khi con chung trưởng thành tròn 18 tuổi. Bắt đầu thực hiện cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Chị Nguyễn Tiểu T được quyền thăm nom con chung theo quy định pháp luật, không ai được quyền cản trở.

Kể từ ngày anh H có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị T chậm thi hành đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nêu trên thì chị phải chịu thêm tiền lãi suất theo mức quy định tại điều 357 và khoản 2 điều 468 của bộ luật dân sự tương ứng thời gian chậm thi hành án.

3/ Về án phí:

Chị Nguyễn Tiểu T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Chị đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0014883 ngày 17/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè nên chị phải nộp tiếp 300.000 đồng.

Về quyền kháng cáo: Chị T và anh H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ khi Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN TRUNG TÍNH